UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TỊNH AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 281/BC-UBND	*Tịnh An, ngày 21 tháng 10 năm 2024*

BÁO CÁO
Tình hình công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân và công tác phòng chống tham nhũng năm 2024

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến 20/10/2024)

A. VỀ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO:

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO:

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo:

Năm 2024, tình hình khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị trên địa bàn xã giảm so với cùng kỳ năm 2023 (20/29 đơn); không phát sinh đơn tố cáo; chủ yếu là phản ánh, kiến nghị, yêu cầu về tranh chấp đất đai giữa cá nhân với cá nhân.

a) Về khiếu nại:

Trong năm 2024, UBND xã tiếp nhận 01 đơn khiếu nại về hành vi hành chính của UBND xã, tuy nhiên sau khi mời làm việc và vận động người khiếu nại đã rút đơn khiếu nại.

b) Về phản ánh, kiến nghị khác:

Trong năm 2024, UBND xã nhận được 19 đơn yêu cầu, phản ánh, kiến nghị của công dân, giảm 9 đơn so với cùng kỳ năm 2023 (19/28 đơn), bằng 67,86% so với cùng kỳ năm 2023; chủ yếu là đơn phản ánh liên quan đến lĩnh vực đất đai.

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo:

Nhìn chung việc tranh chấp đất đai của công dân chủ yếu là tranh chấp đất đai về thừa kế, ranh rào, cấp mới giấy CNQSDĐ diễn ra trong nội bộ gia đình, dòng tộc, hàng xóm láng giềng với nhau gây mất đoàn kết trong khu dân cư.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO:

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD):

- Tổng số lượt tiếp: 20 lượt.

- Số người được tiếp: 18 người.

- Số vụ việc (tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần): 18 lần.

- Số đoàn đông người được tiếp (số đoàn, số người, tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần): 0 đoàn.

- Tổng số kỳ tiếp định kỳ, đột xuất của Thủ trưởng: 42 kỳ, tuy nhiêm không có công dân đăng ký tiếp.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 04/XLD):

Trong kỳ báo cáo (từ ngày 15/12/2023 – 20/10/2024): UBND xã nhận được 20 đơn/18 vụ khiếu nại, yêu cầu, phản ánh, kiến nghị của công dân.

a) Tổng số đơn: 20 đơn.

- Kỳ trước chuyển sang: 0 đơn.

- Tiếp nhận trong kỳ: 20 đơn.

- Số đơn đã xử lý: 20 đơn/20 đơn.

- Số đơn, số vụ việc đủ điều kiện xử lý: 20 đơn.

b) Phân loại, xử lý đơn:

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại: 01 đơn/01 vụ.

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo: 0 đơn/0 vụ.

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 19 đơn/17 vụ.

- Phân loại theo tình trạng giải quyết:

+ Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 20 đơn/18 vụ.

+ Số đơn, số vụ việc đang giải quyết: 0 đơn/0 vụ

+ Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: 0 đơn/ 0 vụ.

c) Kết quả xử lý đơn:

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 19 đơn/17 vụ.

- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 01 đơn/01 vụ.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 03/KQGQ):

Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 20/20 đơn (18/18 vụ); đạt tỷ lệ: 100%.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ):

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 01/01 đơn (01 vụ), đạt 100%;

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ):

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 0 đơn;

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh:

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 19/17 đơn; đạt tỷ lệ: 100%.

4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có)

Trong kỳ báo cáo không phát sinh tố cáo.

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo:

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

UBND xã đã ban hành lịch Tiếp công dân định kỳ năm 2024 của Chủ tịch UBND xã (theo TB số 509/TB-UBND ngày 25/12/2023); Kế hoạch Tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị trên địa bàn xã năm 2024 (Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 02/01/2024).

b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

- Số văn bản ban hành mới, sửa đổi bổ sung, hủy bỏ: Đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 (Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 05/02/2024)

- Tập huấn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (số lớp, số người): Không.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1. Ưu điểm, kết quả:

Được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của cấp trên và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Ủy ban nhân dân xã nên công tác tiếp công dân định kỳ và thường xuyên tại UBND xã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật góp phần giải quyết kịp thời những bức xúc của Nhân dân; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn công dân chấp hành và thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật đạt được nhiều kết quả tích cực. Vì vậy không có đơn thư khiếu kiện đông người, góp phần đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

2. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại xã còn tồn tại, hạn chế như: Tỷ tệ giải quyết khiếu nại, tố cáo còn thấp; tỷ lệ hòa giải thành chưa cao (chủ yếu là tranh chấp đất đai trong gia đình, tộc họ).

3. Nguyên nhân:

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do hiện nay do tình hình giá đất cao dẫn đến tình trạng những người trong gia đình, dòng tộc phát sinh tranh chấp với nhau; các tổ hòa giải ở thôn hoạt động chưa hiệu quả nên phát sinh đơn thư phản ánh, kiến nghị ở cấp xã nhiều.

B. NỘI DUNG VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC:

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

- UBND đã tổ chức quán triệt sâu rộng các nội dung của Luật phòng, chống tham nhũng cũng như các văn bản của cấp trên về công tác phòng chống tham nhũng đến toàn thể cán bộ, công chức biết và thực hiện thông qua các cuộc họp CBCC xã.

- UBND xã ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 của UBND xã Tịnh An; Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của UBND xã Tịnh An; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 03/01/2024 về công tác phòng chống tham nhũng năm 2024 của xã Tịnh An.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

UBND xã luôn chú trọng công tác phòng chống tham nhũng, kịp thời triển khai các văn bản liên quan đến Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các văn bản có liên quan của thành phố, tỉnh và Trung ương về phòng chống tham nhũng.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp:

Hàng năm đều lồng ghép trong Hội nghị Tổng kết công tác của UBND xã để tổng kết, đánh giá về công tác phòng chống tham nhũng.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách):

UBND xã giao nhiệm vụ cho Công chức Tài chính kế toán xã chủ động phối hợp cùng Tư pháp hộ tịch xã và Văn phòng thống kê xã trong việc tham mưu cho UBND xã trong công tác thực hiện phòng, chống tham nhũng. Nhưng do cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ công việc nhiều, kiêm nhiệm nên chưa đầu tư nghiên cứu các văn bản pháp luật để tham mưu nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn lúng túng.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

- Lồng ghép trong các cuộc họp cơ quan, họp chi bộ để tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, tiêu cực.

e) Kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua thanh tra):

Trong kỳ báo cáo không có cuộc thanh tra nào liên quan đến trách nhiệm thực hiện pháp luật về về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:

- Thực hiện nghiêm việc niêm yết về thời gian, quy trình thực hiện việc tiếp nhận giải quyết hồ sơ cho công dân theo cơ chế một cửa; công khai mức thu phí, lệ phí công dân phải nộp khi thực hiện các yêu cầu hành chính có liên quan tại trụ sở UBND xã để công dân nắm bắt.

- Thực hiện thông báo, niêm yết công khai các hoạt động, kết quả thực hiện các công việc theo quy định.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Thực hiện việc thu, chi tài chính đều được công khai, minh bạch bằng nhiều hình thức, thanh quyết toán đúng quy định.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:

UBND xã luôn chú trọng trong việc chỉ đạo CBCC xã thực hiện nguyên tắc ứng xử trong quá trình thực thi công việc nhất là chỉ đạo thực hiện nghiêm Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:

Trong năm 2024, UBND xã Tịnh An đã lập danh sách đề nghị chuyển đổi vị trí công tác của 02 trường hợp là công chức Địa chính – Xây dựng và Công chức Văn hoá - Xã hội xã (thực hiện theo hướng dẫn của thành phố).

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:

Việc cải cách hành chính luôn được Đảng ủy, HĐND, UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hiện đại theo quy định và hướng dẫn của cấp trên.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch Tổ chức Hội nghị đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã (Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 04/01/2024); Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Tịnh An (Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 04/01/2024).

Trong kỳ báo cáo, UBND xã đã tiếp nhận 1.845/1.945 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 94,86%; Thanh toán không dùng tiền mặt 1.755/1.845 hồ sơ (bằng hình thức thanh toán trực tuyến), đạt tỷ lệ 95,12%.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn:

Trong năm 2024, đã thực hiện kê khai tài sản và niêm yết kê khai tài sản, thu nhập theo hướng dẫn của Phòng Nội vụ thành phố Quảng Ngãi đối với 03 cán bộ lãnh đạo (Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã).

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Trong năm 2024, UBND xã Tịnh An không phát hiện vụ việc và đối tượng tham nhũng.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC:

*1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương:*Nhìn chung công tác phòng chống tham nhũng trên địa bàn xã luôn được

quan tâm, hiệu lực; hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng được nâng lên. Qua theo dõi, hầu hết cán bộ, công chức thuộc UBND xã không có biểu hiện hành vi tham nhũng.

2. So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước:

Công tác phòng, chống tham nhũng trong kỳ báo cáo không phát sinh vụ việc nào.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

Địa phương tự đánh giá hoàn thành tốt mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng.

Trên đây là báo cáo Tình hình công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân và công tác phòng chống tham nhũng năm 2024, UBND xã Tịnh An kính báo cáo UBND thành phố, Thanh tra thành phố nắm bắt và theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:
- Thanh tra thành phố;
- TT.Đảng ủy xã;
- TT.HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Lưu: VP, Tiếp dân.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Văn Khương

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân xã Tịnh An
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 21/10/2024 16:20:21

Biểu số: 01/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT
Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến 20/10/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 281/BC-UBND ngày 21/10/2024 của UBND xã Tịnh An)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																		
						Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thủ trưởng tiếp									Ủy quyền tiếp										
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đoàn đông người				
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần				Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần
MS	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16+24+25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Cấp tỉnh																													
Sở, ban ngành																													
Cấp huyện																													
Cấp xã	20	18	18	20	18	17	1	0	0	0	0	42	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

30- Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Đây là Biểu tổng hợp kết quả chung về tiếp công dân qua công tác tiếp dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất của thủ trưởng
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = (4) + (13) + (22) là Tổng số lượt tiếp, gồm số lượt tiếp thường xuyên và số lượt tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Cột (2) = (5) + (14) + (23) là Tổng số người được tiếp, bao gồm tiếp thường xuyên và tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Cột (3) = (6) + (7) + (15) + (16) + (24) + (25): là Tổng số vụ việc tiếp, gồm số vụ việc tiếp thường xuyên và số vụ việc thủ trưởng tiếp (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Vụ việc tiếp nhiều lần là vụ việc tiếp từ hai lần trở lên: các Cột (7),(11),(16),(20),(25),(29)
- Đoàn đông người là đoàn có từ 5 người trở lên
- Đối với vụ việc tiếp công dân thường xuyên có thủ trưởng tiếp thì chỉ nhập số liệu 1 lần vào mục thủ trưởng tiếp
- Cột (6): Số vụ việc tiếp lần đầu thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp lần đầu đối với đoàn đông người (cột 10)
- Cột (7): Số vụ việc tiếp từ lần thứ hai trở lên thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp nhiều lần đối với đoàn đông người (cột 11)
- Tổng số đoàn đông người được tiếp = Cột (8) + (17) + (26)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 30 (nếu có)

Biểu số: 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến 20/10/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 281/BC-UBND ngày 21/10/2024 của UBND xã Tịnh An)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Số đơn đã xử lý	Số đơn chưa xử lý (chuyển kỳ sau xử lý)	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
											Đã giải quyết			Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Lần đầu	Nhiều lần	Chưa giải quyết xong	Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết	
MS	1= 2+3 = 4+5	2	3	4	5	6 = 8+9+10 =11+12 +13+14	7	8	9	10	11	12	13	14=15+ 16+17	15	16	17	18=19+ 20+21	19	20	21	22
Cấp tỉnh																						
Sở, ban ngành																						
Cấp huyện																						
Cấp xã	20	0	20	20	20	20	18	1	0	19	19	1	0	19	1	0	18	1	1	0	0	0

23. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu tổng hợp về kết quả xử lý đơn chung (đơn KN, TC, KNPA), bao gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)
- Số liệu tại Biểu này là số liệu tổng hợp từ các biểu 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (4): Số đơn đã hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (kết quả cuối cùng: thụ lý giải quyết, lưu, hướng dẫn, chuyển ...) theo quy định; Cột (4) <= Cột (1)
- Cột (5): Số đơn chưa hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (chuyển kỳ sau xử lý) theo quy định;
- Cột (6) = Cột (8) + (9) + (10) = Cột (11) + (12) + (13) = Cột (14) + (18)
- Cột (7) = Cột (8) thuộc Biểu 02/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 04/XLD
- Từ Cột (8) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các đơn đủ điều kiện xử lý (đã thống kê tại Cột (6))
- Cột (8): Số đơn khiếu nại đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (9) : Số đơn tố cáo đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (10): Số đơn kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 04/XLD
- Cột (11), (12), (13): Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết, khi tiếp nhận đơn thì vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết lần đầu (cột 11), nhiều lần (12) hoặc chưa giải quyết xong (13)
- Cột (12): Là số đơn cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết từ 2 lần trở lên (giải quyết KN lần 2, giải quyết TC tiếp khi đã có kết luận nội dung TC lần đầu; giải quyết lần 2 trở lên đối với đơn KNPA)
- Cột (13): Số đơn chưa giải quyết xong, là số đơn công dân tiếp tục gửi đơn mới khi đơn gửi trước đó chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hoặc đã thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết
- Cột (14) = (15) + (16) + (17) là tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (18) là tổng số đơn không thuộc thẩm quyền = Cột (19) + (20) + (21)
- Cột (22): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 23 (nếu có)

Biểu số: 04/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến 20/10/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 281/BC-UBND ngày 21/10/2024 của UBND xã Tịnh An)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xem xét về điều kiện xử lý			Đơn đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết		Kết quả xử lý đơn				Kết quả giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền	
	Tổng số đơn	Số đơn kỳ trước chuyển sang	Số đơn tiếp nhận kỳ	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc chưa giải quyết
																Tổng số	Chuyển đơn	Đôn đốc giải quyết		
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10+11+12=13+14 =15+18	9	10	11	12	13	14	15	16 = 17+18	17	18	19	20
Cấp tỉnh																				
Sở, ban ngành																				
Cấp huyện																				
Cấp xã	20	0	20	20	0	20	20	18	0	15	0	3	18	0	17	1	1	0	17	0

21. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn KN, PA nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển,…)
- Số liệu tại
Biểu này
- Cột (1) = Cột (2) + (3)
- Cột (4) = Cột (5) + (6): Là tổng số đơn KN, PA đã được xem xét về điều kiện xử lý (đủ hay không đủ điều kiện xử lý)
- Cột (7) = Cột (13) ở Biểu 01/XLD
- Cột (8) = Cột (9) + (10) + (11) + (12) = Cột (13) + (14) = Cột (15) + (18)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc KN, PA đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (13): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA
- Cột (14): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc chưa được giải quyết hoặc đã được thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết KN, PA
- Cột (15): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (16): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (17): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền có văn bản chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết
- Cột (18): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đã được giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA trong kỳ báo cáo
- Cột (20): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đang được giải quyết hoặc chưa được giải quyết
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 21 (nếu có)

Biểu số: 01/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến 20/10/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 281/BC-UBND ngày 21/10/2024 của UBND xã Tịnh An)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m^2)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết															Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						
					Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân						Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết	
									Tổ chức		Cá nhân															
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+21+22+23+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Cấp tỉnh																										
Sở, ban ngành																										
Cấp huyện																										
Cấp xã	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

27. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (15) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (20) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (5) = Cột (20) + (21) + (22) + (23) + (24)
- Cột (6): Chỉ thống kê các vụ việc rút toàn bộ nội dung; trường hợp không rút toàn bộ thì không thống kê vào cột này
- Từ Cột (7) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại (thống kê tại Cột (5), (6))
- Cột (15): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
- Cột (19): Thống kê số vụ việc bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (18): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)
- Cột (25): Thống kê số vụ việc chấp hành đúng quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại
- Cột (26): Thống kê số vụ việc chấp hành không đúng quy định về thời gian giải quyết khiếu nại
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

Biểu số: 03/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến 20/10/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 281/BC-UBND ngày 21/10/2024 của UBND xã Tịnh An)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																	Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						Chấp hành thời hạn giải quyết	
						Đã giải quyết					Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra										
													Tổ chức		Cá nhân																
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không do rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)	Tiền (Trđ)	Đất (m^2)			Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Tố cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tố cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tố cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có đúng, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định
M5	1=2+3	2	3	4	5	6=7+8+9+10=30+31>=24+26+28	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Cấp tỉnh																															
Sở, ban ngành																															
Cấp huyện																															
Cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

32. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (20) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (26) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (5): Số vụ việc tố cáo tiếp thuộc thẩm quyền, số liệu nằm trong số liệu vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền thống kê tại Cột (4)
- Cột (6)= (7) + (8) + (9) + (10)= (30) + (31) >= Cột (24) + (26) + (28)
- Cột (8): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp đã được giải quyết = Cột (25) + (27) + (29)
- Từ Cột (11) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc tố cáo đã thống kê ở Cột (6)
- Cột (19): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (20): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 19)
- Cột (22): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (23): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 22)
- Cột (25): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp đúng, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (24)
- Cột (27): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp sai, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (26)
- Cột (29): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp có đúng, có sai, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (28)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 32 (nếu có)

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân xã Tịnh An
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 21/10/2024 16:20:12

Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 20/10/2024)

(Kèm theo Báo cáo số:281/BC-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của UBND xã Tịnh An)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	0
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC	Lượt người	0
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản	Tài liệu	0
	THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
7	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC	Cuộc	0
8	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận	Cuộc	0
9	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị	0
	Kiến nghị xử lý hành chính		
10	+ Tập thể	tập thể	0
11	+ Cá nhân	người	0
	Kiến nghị xử lý hình sự		
12	+ Số vụ	vụ	0
13	+ Số đối tượng	Đối tượng	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt		

	động		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
15	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
16	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
17	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
18	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
19	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
20	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
21	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
22	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
23	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
24	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
25	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
26	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
27	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
28	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
29	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
30	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
31	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	2

32	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
33	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	158
34	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	87
35	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
36	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
37	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
38	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
39	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
40	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	3
41	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	3
42	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
43	Số người bi kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
43.1	*Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực*	Người	0
43.2	*Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập*	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
44	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
45	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		0
46	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của	Vụ	0

	cơ quan quản lý nhà nước		
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Vụ	0
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	vụ	0
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Người	0
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người	0
	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán		
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
58	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
59	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
60	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
61	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem	người	0

	xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
	Qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo		
62	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
63	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)		
64	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
65	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	Qua điều tra tội phạm		
66	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
67	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
69	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
70	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
71	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG		
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
74	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
74.1	*- Khiển trách*	Người	0
74.2	*- Cảnh cáo*	Người	0
74.3	*- Cách chức*	Người	0
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		

75	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
76	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	0
76.1	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng*	Người	0
76.2	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng*	Người	0
76.3	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng*	Người	0
76.4	*- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng*	Người	0
77	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
78	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
79	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
80	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
81	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
82	Đất đai	m^2	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
83	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
83.1	*- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính*	Triệu	0
83.2	*- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp*	Triệu	0
84	Đất đai	m^2	0
84.1	*- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính*	m^2	0
84.2	*- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp*	m^2	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
85	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

86	Đất đai	m^2	0
	PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)		
87	Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
88	Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
89	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Vụ	0
90	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Người	0
91	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính	Vụ	0
92	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật	Người	0
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
93	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
94	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTNTC	Tổ chức	0
95	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTNTC	Tổ chức	0
96	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
97	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
98	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
99	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
100	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

Ghi chú:

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.

- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTNTC của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn

- (1) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

- (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 20/10/2024

(Kèm theo Báo cáo số:281/BC-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của UBND xã Tịnh An)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	Không phát sinh				
2					
…					
Tổng số:					

Biểu số: 03/PCTN

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỞ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG, TIÊU CỰC(*)

Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 20/10/2024

(Kèm theo Báo cáo số:281/BC-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của UBND xã Tịnh An)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1	Không phát sinh						
2							
…							
Tổng số:							

Hướng dẫn cách ghi biểu:

(*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4),(5): Điền dấu "x"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "x" tại Cột (5)